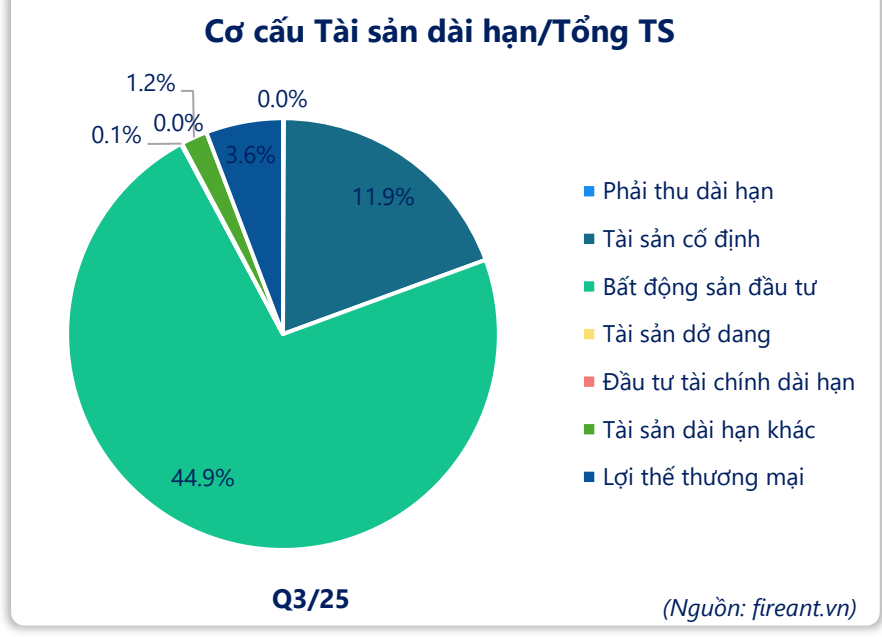
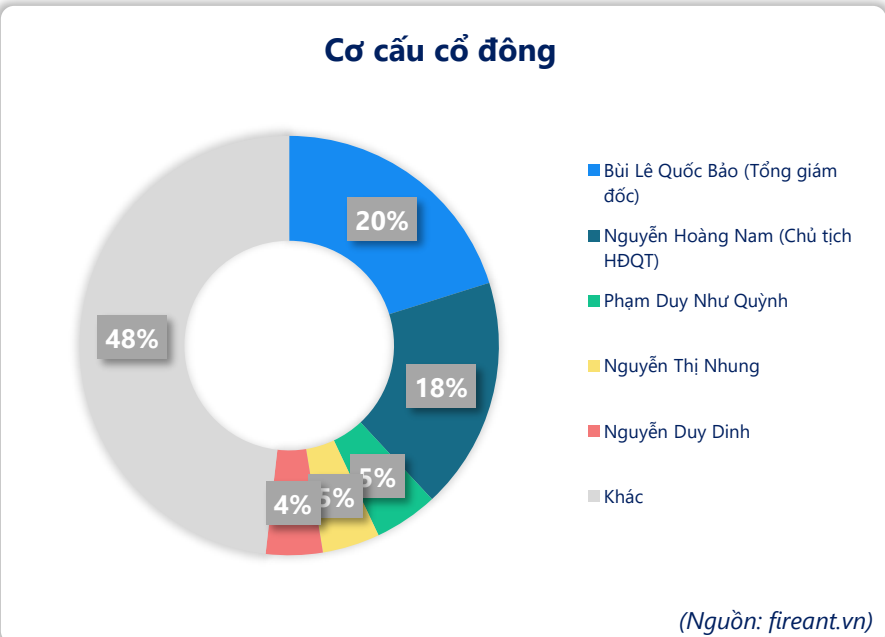
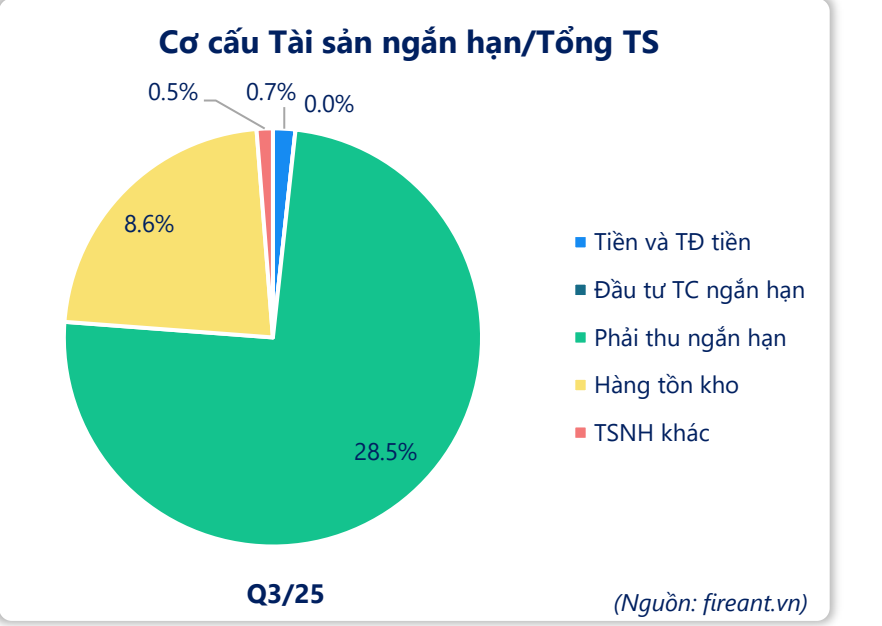
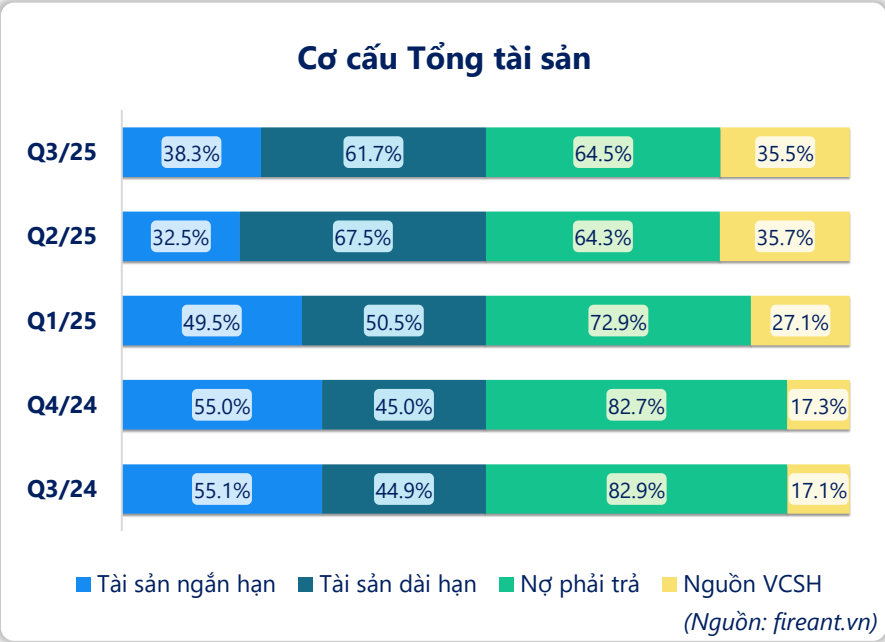
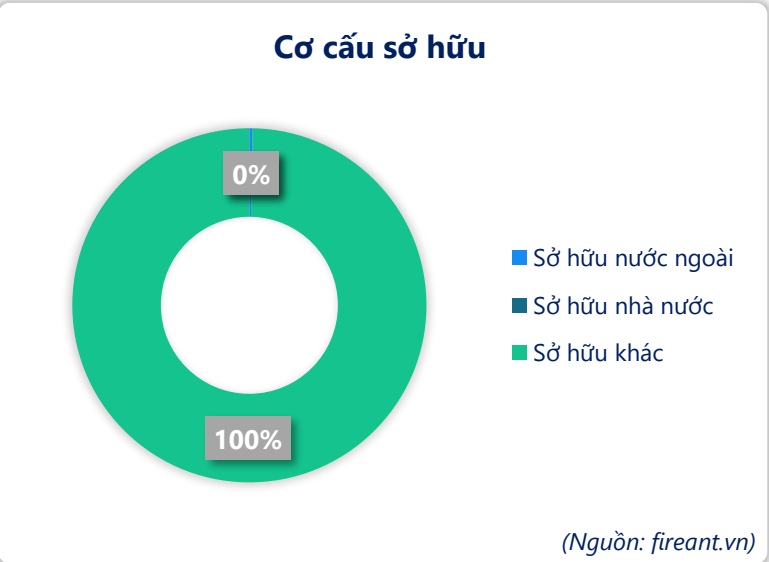
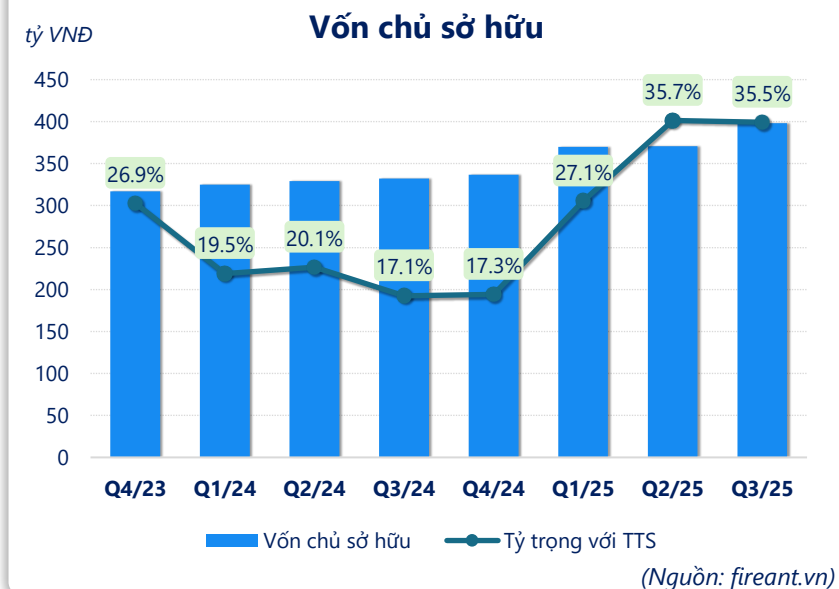
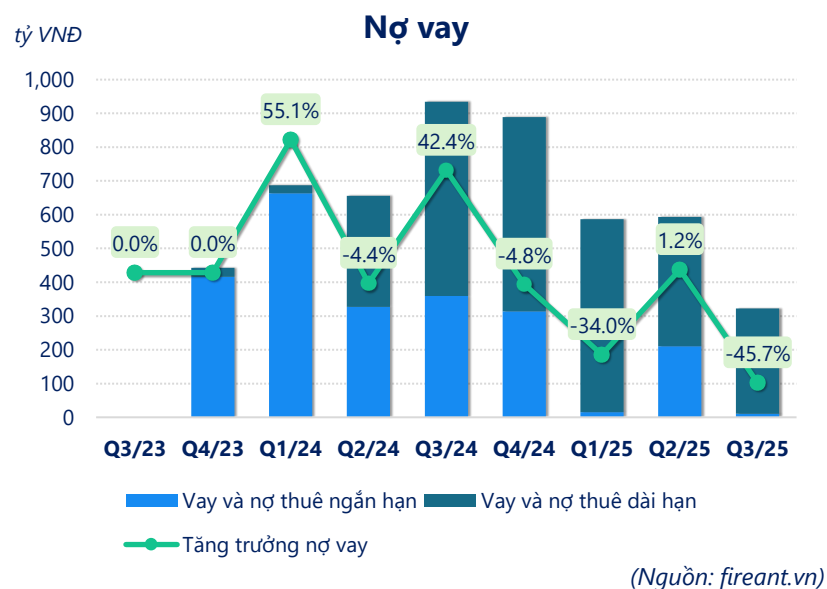
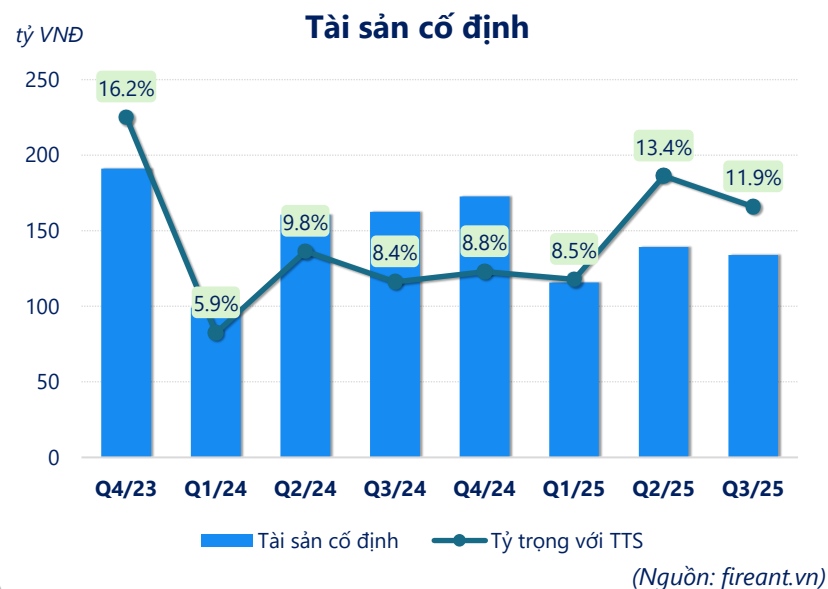
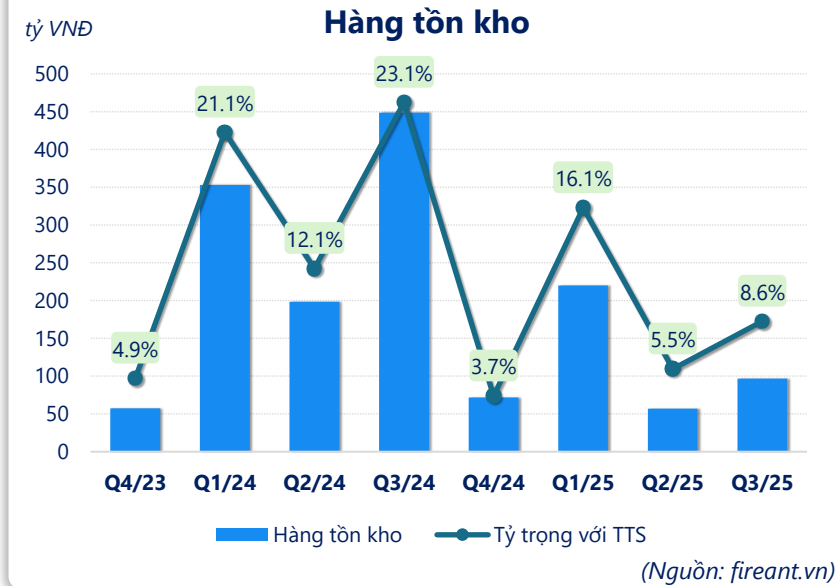
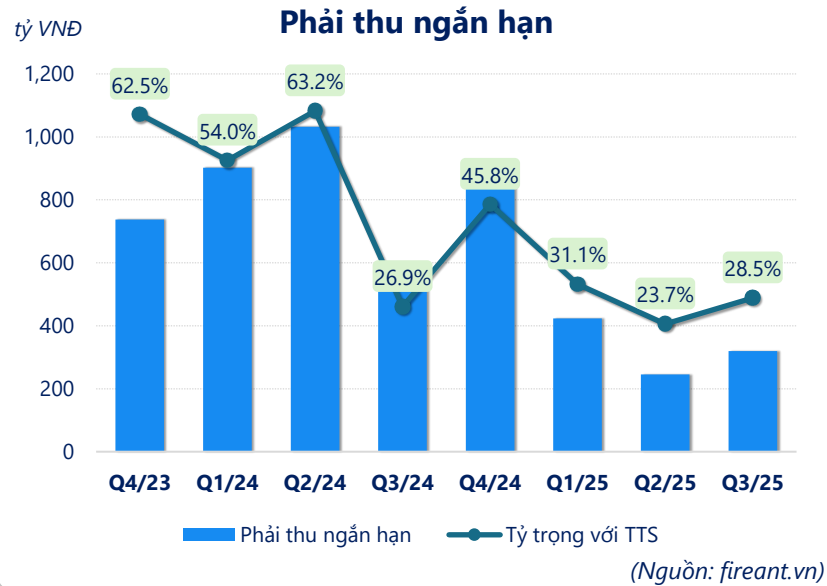
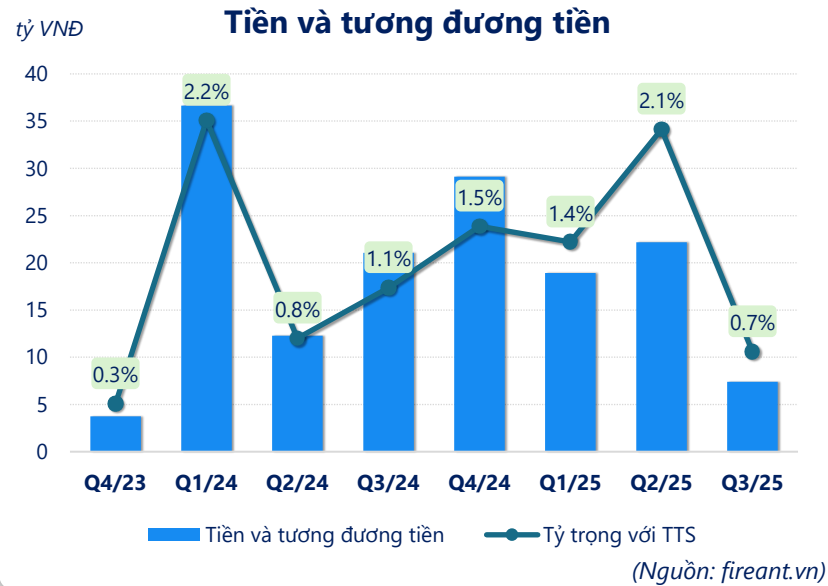
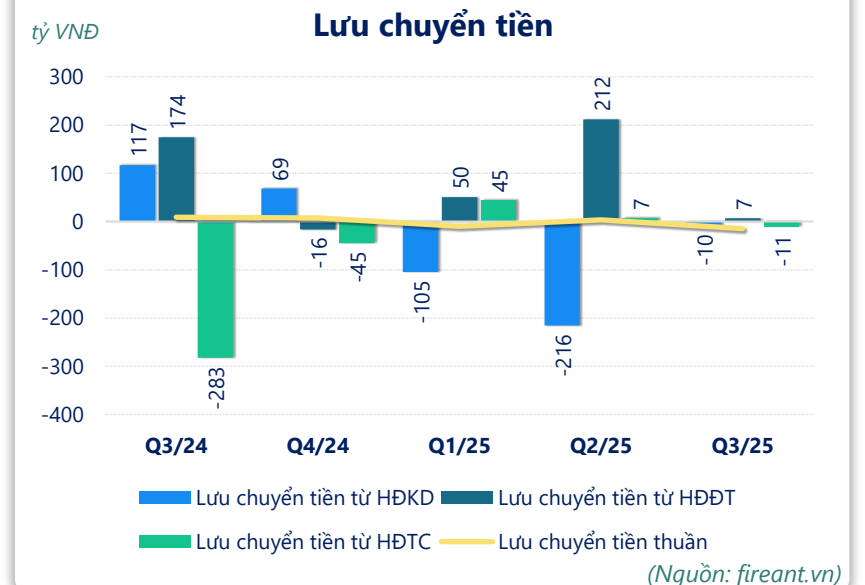
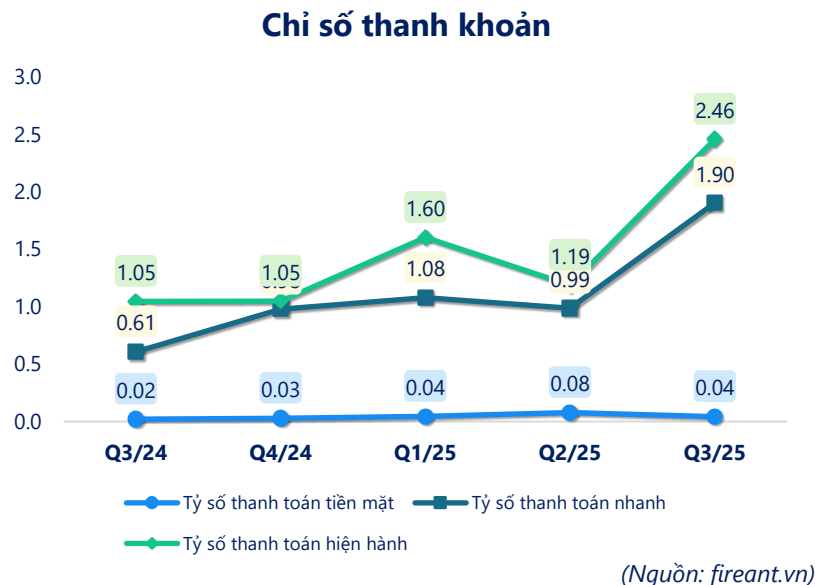
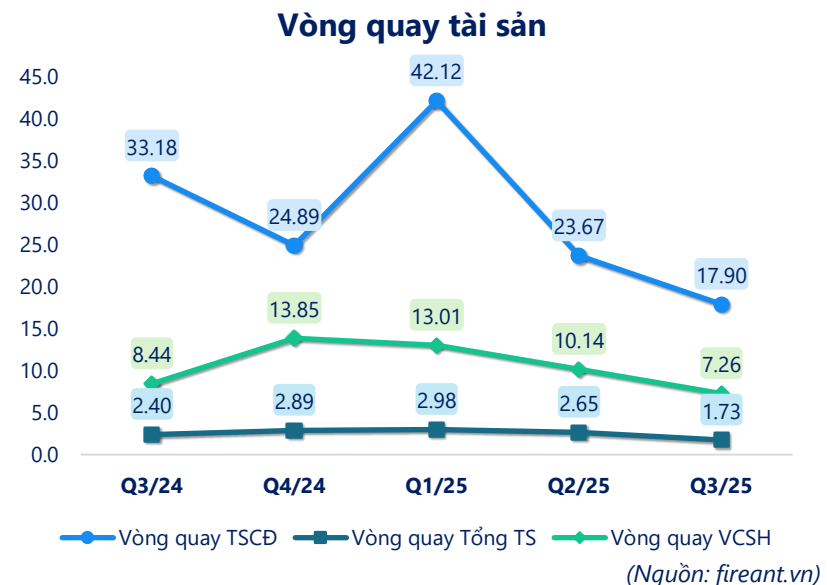
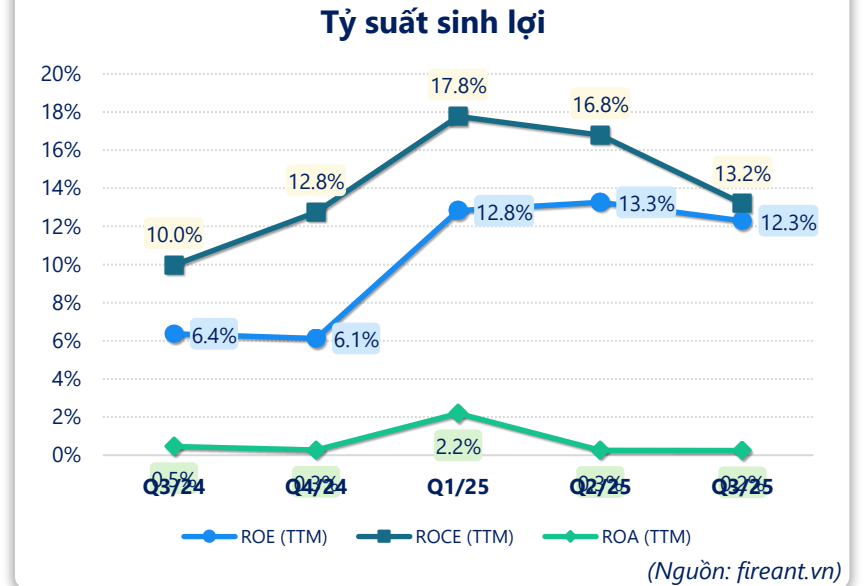
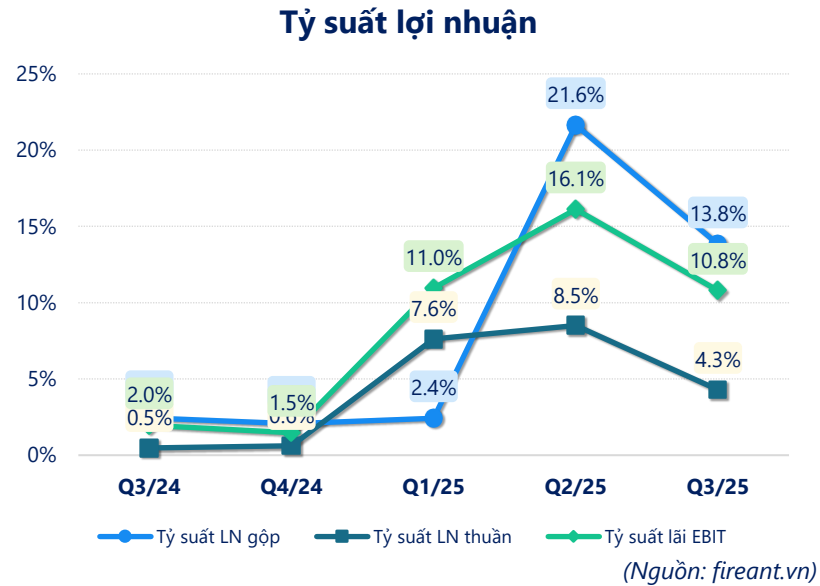
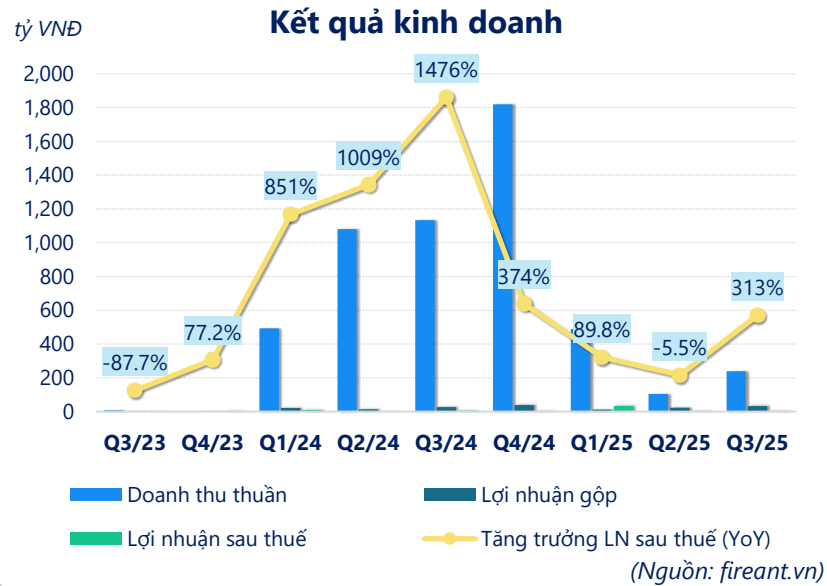


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,498
SL cổ phiếu LH		31,320,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)		263,560
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		343
P/E		7.6
EPS		1,434

	YTD	1T	3T	6T
TCO	-18.6%	-6.8%	10.6%	-9.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,122	1,953	-42.6%
Tài sản ngắn hạn	429	1,073	-60.0%
Tiền và tương đương tiền	7.42	29.1	-74.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	62.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	320	894	-64.3%
Hàng tồn kho	96.8	71.9	34.7%
Tài sản ngắn hạn khác	5.38	16.1	-66.5%
Tài sản dài hạn	692	880	-21.3%
Phải thu dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Tài sản cố định	134	173	-22.4%
Bất động sản đầu tư	504	566	-11.0%
Tài sản dở dang	0.59	7.33	-92.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	1.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	13.7	1.84	646%
Lợi thế thương mại	40.0	131	-69.4%
Nợ phải trả	724	1,616	-55.2%
Nợ ngắn hạn	175	1,027	-83.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.1	314	-96.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	99.6	362	-72.5%
Nợ dài hạn	549	589	-6.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	312	576	-45.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	398	337	18.1%
Vốn chủ sở hữu	398	337	18.1%
Vốn điều lệ	313	313	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,134	1,819	488	105	239
Giá vốn hàng bán	1,107	1,782	477	82.0	206
Lợi nhuận gộp	27.6	37.6	11.9	22.6	33.1
Doanh thu HĐTC	1.49	0.41	47.7	3.97	0.01
Chi phí TC	14.8	15.7	13.7	10.6	16.9
Chi phí lãi vay	14.8	15.7	13.7	10.6	16.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.04	0.14	0.07	0.09	0.41
Chi phí QLDN	8.87	11.1	8.53	7.07	5.57
LN thuần từ HĐKD	5.42	11.1	37.2	8.89	10.3
Lợi nhuận khác	2.16	0.00	2.58	-2.59	-0.82
LN trước thuế	7.58	11.1	39.8	6.31	9.44
Lợi nhuận sau thuế	5.13	4.33	33.2	3.56	3.80
LNST của CĐ cty mẹ	5.30	4.33	33.2	3.55	3.79

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	117	68.6	-105	-216	-10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	174	-16.4	50.3	212	6.85
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-283	-44.9	44.5	7.05	-11.4
Tiền đầu kỳ	12.3	21.1	29.1	18.9	22.2
Lưu chuyển tiền thuần	8.79	7.31	-10.2	3.26	-14.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.1	28.4	18.9	22.2	7.42

(Nguồn: fireant.vn)